

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

1. Đào Sơn
2. Phó QL KT: Thiên An, thế trí địa' cái ở các nhân
3. Vphg
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **33** /2015/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **30** tháng **10** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÁI NGUYÊN	
CV	Số:.....
ĐẾN	Ngày: 09 tháng 11 năm 2015
	Chuyển:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19/9/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại các tờ trình: Số 50/TTr-KHCN ngày 22/9/2015, Số 58/TTr-KHCN ngày 26/10/2015 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 429/STP-XDVB ngày 14/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các quyết định: Số 06/2009/QĐ-UBND ngày 24/3/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Số 1455/QĐ-UBND ngày 23/6/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định triển khai nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Trìnhhq/QĐ.T10/70b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ma Thị Nguyệt

**QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **33** /2015/QĐ-UBND ngày **30** tháng **10** năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN) hoặc Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân không sử dụng ngân sách nhà nước vận dụng Quy định này để tổ chức và quản lý các nhiệm vụ KH&CN do tổ chức, đơn vị mình triển khai.

Điều 2. Giải thích một số thuật ngữ trong văn bản

Trong văn bản này, một số thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là những vấn đề KH&CN do UBND tỉnh phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện (hoặc ủy quyền) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, phát triển KH&CN của tỉnh được thể hiện dưới hình thức một đề tài, dự án, kế hoạch khung, chương trình, đề án KH&CN và các hình thức khác.

Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh bao gồm:

a) Đề án khoa học cấp tỉnh: Là nhiệm vụ KH&CN nhằm mục tiêu xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật trên địa bàn tỉnh.

b) Đề tài KH&CN cấp tỉnh: Là nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm trên địa bàn tỉnh.

c) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh: Là nhiệm vụ KH&CN nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh.

d) Dự án KH&CN cấp tỉnh: Là nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu là ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm đã được thẩm định, đánh giá, nghiệm thu bởi các cơ quan có thẩm quyền để xây dựng các mô hình ứng dụng, điểm trình diễn, điểm thử nghiệm trên địa bàn tỉnh.

đ) Các nhiệm vụ KH&CN khác: Là những vấn đề KH&CN nhằm khảo sát, đánh giá, tổng kết thực tiễn, đề xuất giải pháp, giải quyết những vấn đề phục vụ công tác quản lý của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Các nhiệm vụ KH&CN khác được thể hiện dưới các hình thức: Chương trình, kế hoạch, đề án...

2. Các thuật ngữ khác không nêu tại văn bản này được hiểu thống nhất theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 3. Mã số của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Mã số của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ cấp và được ghi như sau: ĐTCN.XX/YYYY, DACN.XX/YYYY, DASXTN.XX/YYYY, ĐTKH.XX/YYYY, ĐAKH.XX/YYYY, NVKHK.XX/YYYY, trong đó:

1. ĐTCN: Là ký hiệu chung cho các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.
2. DACN: Là ký hiệu chung cho các dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.
3. DASXTN: Là ký hiệu chung cho các dự án sản xuất thử nghiệm.
4. ĐTKH: Là ký hiệu chung cho các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.
5. ĐAKH: Là ký hiệu chung cho các đề án khoa học.
6. NVKHK: Là ký hiệu chung cho các nhiệm vụ khoa học khác
7. Nhóm XX: Là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được sắp xếp theo từng nhóm ĐTCN, DACN, DASXTN, ĐTKH, ĐAKH, NVKHK trong năm bắt đầu thực hiện.
8. Nhóm YYYY: Là nhóm 04 chữ số ghi năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
9. Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ số thứ tự các nhiệm vụ là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo.

Điều 4. Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN không quá 24 tháng tính từ khi ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học; riêng các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, y tế được triển khai không quá 36 tháng; các trường hợp đặc biệt khác Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 5. Quy trình quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Xác định nhiệm vụ KH&CN.
2. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.
3. Đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.
4. Thẩm định kinh phí thực hiện và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.
5. Ký kết hợp đồng thực hiện, xử lý trong quá trình thực hiện hợp đồng, thanh lý hợp đồng.
6. Chế độ báo cáo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
7. Đánh giá, nghiệm thu, công nhận và chuyển giao kết quả nhiệm vụ KH&CN.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Nguyên tắc xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Nhiệm vụ KH&CN được xác định và tổ chức thực hiện đảm bảo đáp ứng một cách thiết thực, hiệu quả theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, phát triển KH&CN của tỉnh.
2. Trung thực, khách quan, đề cao đạo đức nghề nghiệp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.
3. Bảo đảm quyền tự do sáng tạo, phát huy dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ.
4. Bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường.

Điều 7. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN

1. Những yêu cầu chung của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:
 - a) Phải xuất phát từ yêu cầu của định hướng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đề án phát triển KH&CN của tỉnh.
 - b) Phải xuất phát từ yêu cầu giải quyết những vấn đề cấp bách của tỉnh.
2. Những yêu cầu riêng mỗi loại nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:
 - a) Đề tài nghiên cứu khoa học:
 - Có ý nghĩa khoa học (tính mới, tính tiên tiến về công nghệ so với trình độ địa phương, trong nước).

- Có ý nghĩa thực tiễn (trực tiếp hoặc góp phần quan trọng giải quyết những vấn đề cấp bách của sản xuất, đời sống; có tác dụng đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh - quốc phòng của tỉnh).

- Có khả năng ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu trên địa bàn tỉnh.

b) Dự án sản xuất thử nghiệm:

- Phải có xuất xứ từ các nguồn: Kết quả của các đề tài nghiên cứu KH&CN trong nước hoặc từ nước ngoài đã được đánh giá, nghiệm thu, thẩm định, công nhận bởi các cơ quan có thẩm quyền; các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng KH&CN.

- Có mục đích thử nghiệm để hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới.

- Có khả năng ứng dụng để phục vụ việc phát triển kinh tế - xã hội (tạo thêm việc làm, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, bảo vệ môi trường...).

c) Dự án ứng dụng KH&CN:

- Có mục đích xây dựng các mô hình, điểm trình diễn, điểm thử nghiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm đã được đánh giá, nghiệm thu, thẩm định, công nhận bởi các cơ quan có thẩm quyền, lần đầu tiên triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm phải có đủ năng lực, điều kiện chuyên môn phù hợp.

- Cơ quan chủ trì dự án phải có đủ năng lực và điều kiện tiếp thu chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm.

- Dự án sau khi được đánh giá, nghiệm thu, các mô hình phải có khả năng nhân rộng.

d) Các nhiệm vụ KH&CN khác (các hình thức khác):

- Là nhiệm vụ cần thực hiện theo yêu cầu của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Có tính cấp thiết, có nội dung nhằm khảo sát, tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ cho việc ban hành các quyết sách, quyết định về phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, quản lý, đầu tư...

Điều 8. Xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh, trong tháng 01 hằng năm Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đăng ký, đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cho năm kế hoạch tiếp theo.

2. Tập hợp, phân loại nhiệm vụ KH&CN do các tổ chức, cá nhân đăng ký, đề xuất, đặt hàng thực hiện xong trước ngày 30 tháng 4 hằng năm.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho Hội đồng Chính sách KH&CN tỉnh để lựa chọn danh mục nhiệm vụ KH&CN, phương thức tổ chức thực hiện theo hình thức tuyển chọn, giao trực tiếp để trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 hằng năm:

a) Tuyển chọn: Là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đặt hàng của tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy định này. Tuyển chọn được áp dụng cho các nhiệm vụ KH&CN có nhiều tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

b) Giao trực tiếp (xét chọn): Là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đặt hàng của tỉnh.

4. Xác định nhiệm vụ KH&CN đột xuất của tỉnh được thực hiện theo Điều 14, Điều 15 Quy định này

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Đối với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải đáp ứng các điều kiện sau:

Tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc có đăng ký hoạt động KH&CN, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN đăng ký thực hiện.

Các tổ chức không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trước đây.

b) Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu từ 16 ngày trở lên đối với các nhiệm vụ có thời hạn thực hiện dưới 24 tháng, từ 31 ngày trở lên đối với các nhiệm vụ thực hiện trên 24 tháng mà không có ý kiến thống nhất và chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

c) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sai phạm dẫn tới bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN không được đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn ba (03) năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

d) Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước sẽ không được đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn hai (02) năm.

2. Đối với cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và có kinh nghiệm hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học với nhiệm vụ từ ba (03) năm trở lên, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.

d) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và đảm bảo đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm từ 02 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trở lên.

b) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh chậm theo quy định từ 16 ngày trở lên đối với các nhiệm vụ có thời hạn thực hiện dưới 24 tháng, từ 31 ngày trở lên đối với các nhiệm vụ thực hiện trên 24 tháng mà không có ý kiến thống nhất và chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn hai (02) năm.

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN được đánh giá nghiệm thu ở mức “Không đạt” mà không được Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả hoặc được gia hạn nhưng hết thời gian cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn hai (02) năm kể từ ngày có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

d) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Nhiệm vụ KH&CN được tổ chức thực hiện theo phương thức tuyển chọn

1. Nhiệm vụ KH&CN có nhiều tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện phải được giao theo phương thức tuyển chọn.

2. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, căn cứ danh mục nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo phương thức tuyển chọn đã được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố trên phương tiện thông tin đại chúng các nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn gồm: Tên nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được và điều kiện, thủ tục đăng ký để mọi tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn trong thời gian 45 ngày, kể từ ngày công bố.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn:

a) Bản sao các giấy tờ có liên quan chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức chủ trì đăng ký.

- b) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
- c) Thuyết minh đề cương nghiên cứu theo mẫu quy định.
- d) Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
- đ) Lý lịch khoa học cá nhân của người đăng ký làm chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thành viên chính nhiệm vụ KH&CN.
- e) Văn bản xác nhận phối hợp thực hiện (nếu có).
- f) Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (nếu có).

4. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

a) Sau thời gian hết hạn đăng ký tuyển chọn không quá 10 ngày, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan (nếu cần); đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn (nếu có) tiến hành mở hồ sơ đăng ký tham gia của các tổ chức, cá nhân. Lập biên bản và chốt danh sách các tổ chức, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia tuyển chọn.

b) Hội đồng tuyển chọn tiến hành đánh giá các nội dung về giá trị khoa học và thực tiễn, phương pháp triển khai, kết quả dự kiến, năng lực tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện, tính hợp lý của dự toán các đề tài, dự án tham gia tuyển chọn và xếp loại các đề tài, dự án để làm căn cứ cho tuyển chọn.

c) Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng tuyển chọn, dự toán kinh phí đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện.

Điều 11. Nhiệm vụ KH&CN được tổ chức thực hiện theo phương thức giao trực tiếp

1. Nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo phương thức giao trực tiếp là nhiệm vụ KH&CN đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng; nhiệm vụ KH&CN đột xuất hoặc nội dung chỉ có một tổ chức KH&CN có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

2. Trên cơ sở danh mục các nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo phương thức giao trực tiếp đã được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân được giao lập hồ sơ nhiệm vụ.

3. Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN gồm:

- a) Đơn xin đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
- b) Thuyết minh đề tài, dự án, đề án.
- c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
- d) Lý lịch cá nhân của người đăng ký làm chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ KH&CN.

đ) Văn bản xác nhận phối hợp thực hiện (nếu có).

e) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Hồ sơ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 8 của năm kế hoạch.

4. Thẩm định nội dung hồ sơ đăng ký:

a) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng KH&CN tư vấn, xét duyệt các nội dung về giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của các nhiệm vụ, phương pháp triển khai và kết quả dự kiến, năng lực của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện, tính hợp lý của dự toán kinh phí cho đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

b) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng tư vấn, dự toán kinh phí đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 12. Thành lập các hội đồng KH&CN cấp tỉnh

Hội đồng KH&CN cấp tỉnh bao gồm 2 cấp:

Cấp 1: Hội đồng Chính sách KH&CN của tỉnh .

Cấp 2: Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

1. Hội đồng Chính sách KH&CN của tỉnh

a) Nhiệm vụ của Hội đồng:

- Tham gia, góp ý kiến về các vấn đề sau:

+ Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách KH&CN được cụ thể hoá vào điều kiện của địa phương.

+ Phương hướng, nhiệm vụ, nội dung chủ yếu của hoạt động KH&CN năm (05) năm và hằng năm của tỉnh, đặc biệt là việc chuyển giao công nghệ và áp dụng các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đời sống của địa phương.

+ Phương hướng phát triển KH&CN của các ngành thuộc địa phương.

+ Tham gia ý kiến vào nội dung của các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (nếu có).

+ Phương hướng và biện pháp đào tạo, sử dụng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KH&CN của địa phương.

- Đề nghị khen thưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu có giá trị và những kỹ thuật tiên bộ được áp dụng vào sản xuất và đời sống thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Tư vấn cho Ủy ban nhân dân tỉnh về phương hướng các nhiệm vụ KH&CN hằng năm và xác định danh mục các đề tài, dự án khoa học.

- Tư vấn cho Ủy ban nhân dân tỉnh về phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án KH&CN.

Căn cứ vào kết quả tư vấn của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các đề tài, dự án và phương thức tổ chức thực hiện.

b) Thành phần Hội đồng:

- Hội đồng Chính sách KH&CN có từ 11 đến 17 người bao gồm: Chủ tịch Hội đồng (là Phó Chủ tịch UBND tỉnh), Phó Chủ tịch Hội đồng (là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ), thư ký khoa học của Hội đồng và các thành viên khác.

- Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia KH&CN hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp có liên quan.

- Thư ký khoa học của Hội đồng là Trưởng hoặc Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập, kiện toàn Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ của tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng là năm (05) năm.

2. Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

a) Nhiệm vụ của Hội đồng:

- Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (theo danh mục đã được UBND phê duyệt).

- Xét duyệt nội dung nhiệm vụ KH&CN (đối với nhiệm vụ KH&CN được UBND tỉnh giao trực tiếp).

- Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

b) Thành phần Hội đồng:

- Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp có từ 07 đến 11 người. Thành phần của Hội đồng gồm có Chủ tịch Hội đồng (là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ), Phó Chủ tịch Hội đồng, thư ký khoa học của Hội đồng và các thành viên khác (trong đó có 2 thành viên là uỷ viên phản biện).

- Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu về lĩnh vực KH&CN được giao tư vấn. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chỉ định 02 chuyên gia phản biện kín (không nêu danh).

- Người đứng đầu tổ chức và các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN thì không được là thành viên của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN đó.

- Thư ký hành chính chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng là chuyên viên của Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở KH&CN ra quyết định thành lập Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.

d) Mỗi nhiệm vụ KH&CN được thành lập một Hội đồng KH&CN riêng và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 13. Phương thức làm việc và trách nhiệm của thành viên Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Phương thức làm việc của Hội đồng:

a) Hội đồng chỉ tiến hành phiên họp khi có mặt Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch), thư ký khoa học của Hội đồng và 2/3 tổng số thành viên Hội đồng trở lên. Các ủy viên Hội đồng phải có ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản trong mỗi phiên họp. Hội đồng cho điểm theo tiêu chí, thang điểm và xếp loại theo quy định. *(Chi tiết tại Phụ lục Tiêu chí đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì và nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN kèm theo)*

b) Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp của Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp.

2. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng: Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ. Các ủy viên Hội đồng thảo luận công khai, đánh giá trung thực, khách quan và công bằng đối với từng nhiệm vụ KH&CN, chịu trách nhiệm pháp lý về ý kiến nhận xét của mình và giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá.

3. Tài liệu làm việc của Hội đồng được gửi đến các ủy viên Hội đồng ít nhất 03 ngày trước phiên họp Hội đồng.

Điều 14. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN

1. Thư ký khoa học của Hội đồng đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Chủ tịch Hội đồng phát biểu định hướng nội dung tuyển chọn.

3. Đại diện tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN trình bày những vấn đề cần làm rõ khi Hội đồng tư vấn tuyển chọn yêu cầu (nếu có).

4. Hội đồng tiến hành đánh giá, chấm điểm các hồ sơ tham gia tuyển chọn theo các tiêu chí, thang điểm quy định:

a) Các ủy viên phản biện, ủy viên Hội đồng trình bày nhận xét, đánh giá từng hồ sơ và so sánh giữa các hồ sơ đăng ký theo các tiêu chí quy định.

b) Thư ký khoa học của Hội đồng đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng xem xét, tham khảo.

c) Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá quy định. Trong quá trình thảo luận, Hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện, ủy viên Hội đồng về ý kiến nhận xét.

d) Hội đồng cho điểm độc lập từng hồ sơ theo tiêu chí, thang điểm quy định và bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. *(Chi tiết tại Phụ lục Tiêu chí đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì và nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN kèm theo)*

5. Thư ký khoa học của Hội đồng tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng theo mẫu quy định.

6. Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá và thông qua biên bản làm việc của Hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì nhiệm vụ KH&CN:

a) Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là cá nhân, tổ chức có hồ sơ xếp hạng với tổng điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 60/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

b) Đối với các hồ sơ có tổng điểm trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm cao hơn của Phó chủ tịch Hội đồng được ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

7. Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị:

a) Những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, các sản phẩm KH&CN chính với những chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tương ứng phải đạt.

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện.

c) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

d) Lưu ý những điểm cần chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển.

8. Thư ký khoa học của Hội đồng lập biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu quy định.

9. Thông báo công khai kết quả tuyển chọn đến các tổ chức chủ trì tham gia tuyển chọn.

10. Trong vòng 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với tổ chức chủ trì được tuyển chọn các nội dung, các sản phẩm chính (số lượng và chất lượng) của nhiệm vụ KH&CN. Yêu cầu chỉnh sửa thuyết minh chi tiết, thời hạn nộp thuyết minh chi tiết và các tài liệu có liên quan. Lập biên bản xác định nội dung thực hiện làm cơ sở cho thẩm định kinh phí chi tiết.

Điều 15. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng KH&CN tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Thư ký khoa học của Hội đồng đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Chủ tịch Hội đồng phát biểu định hướng nội dung cuộc họp.

3. Đại diện tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN trình bày tóm tắt các nội dung của thuyết minh nhiệm vụ được giao trực tiếp.

4. Ủy viên phản biện 1, ủy viên phản biện 2 và các thành viên của Hội đồng nêu ý kiến nhận xét, đánh giá về các nội dung của thuyết minh, đặt ra các câu hỏi (nếu cần thiết).

5. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN giải đáp các ý kiến nhận xét, đánh giá.

6. Hội đồng thảo luận về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

7. Chủ tịch Hội đồng phát biểu kết luận.

8. Các thành viên của Hội đồng cho điểm đánh giá độc lập theo các tiêu chí, thang điểm quy định. *(Chi tiết tại Phụ lục Tiêu chí đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì và nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN)*

9. Thư ký khoa học của Hội đồng tổng hợp, công bố kết quả bỏ phiếu.

10. Thẩm định nội dung nhiệm vụ KH&CN (thực hiện như Khoản 10, Điều 14 Quy định này) làm căn cứ thẩm định kinh phí.

Chương V
THẨM ĐỊNH KINH PHÍ VÀ PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Thẩm định kinh phí

1. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ khi có Biên bản cuộc họp Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN, phải thành lập tổ thẩm định kinh phí từng nhiệm vụ theo nội dung được duyệt.

2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập tổ thẩm định kinh phí đối với từng nhiệm vụ. Thành phần tổ thẩm định có từ 05 đến 07 người, gồm tổ trưởng và các thành viên, bao gồm các cán bộ của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính. Trong trường hợp cần thiết có thể mời tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ tham gia giải trình dự toán kinh phí đã đề xuất.

3. Định mức chi cho các nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.

4. Nhiệm vụ và trách nhiệm của tổ thẩm định kinh phí:

a) Nhiệm vụ của tổ thẩm định kinh phí: Rà soát các nội dung chi theo thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đã được duyệt, các định mức sử dụng kinh phí có liên quan, thảo luận và thống nhất về dự toán kinh phí chi, tổng hợp kết quả thẩm định và lập biên bản thẩm định kinh phí theo quy định. Đối với những nhiệm vụ KH&CN không có các định mức chi phí theo quy định thì tổ thẩm định kinh phí tham khảo kết quả thẩm định giá của các đơn vị trong và ngoài tỉnh có chức năng được Nhà nước cho phép thẩm định giá.

b) Trách nhiệm của tổ thẩm định kinh phí: Các thành viên trong tổ thẩm định chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, tính chính xác và tính hợp lý của kết quả thẩm định.

Điều 17. Phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN

Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN, biên bản thẩm định của tổ thẩm định kinh phí, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt từng nhiệm vụ KH&CN theo các quy định hiện hành.

Hồ sơ đề nghị phê duyệt nhiệm vụ KH&CN gồm có:

1. Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ.
2. Biên bản họp xét duyệt của Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.
3. Biên bản thẩm định của tổ thẩm định kinh phí.

Chương VI

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 18. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức thực hiện.

2. Theo yêu cầu của công việc, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được chủ động điều chỉnh chi dự toán kinh phí giữa các nội dung chi được duyệt (không vượt tổng dự toán đã duyệt) nhưng vẫn đảm bảo nội dung thực hiện và phải được Sở Khoa học và Công nghệ đồng ý bằng văn bản.

3. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ xem xét điều chỉnh (trên cơ sở đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN) các nội dung sau:

a) Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng.

b) Điều chỉnh quy mô, nội dung, dự toán kinh phí chi tiết trong thuyết minh được duyệt của từng nhiệm vụ KH&CN khi có phát sinh nhưng không thay đổi tổng dự toán và đảm bảo mục tiêu, kết quả dự kiến của nhiệm vụ KH&CN đã được UBND tỉnh phê duyệt.

4. Các điều chỉnh hợp đồng không thuộc quy định tại Khoản 2 và 3 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh quyết định.

5. Quyết định và các văn bản có liên quan đến việc điều chỉnh là một bộ phận của hợp đồng.

Điều 19. Đình chỉ và chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh đình chỉ và chấm dứt thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Nhiệm vụ KH&CN khi thực hiện gặp các yếu tố khách quan như: Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác dẫn đến không thể hoàn thành.

b) Vi phạm hợp đồng: Các điều khoản theo hợp đồng không được đảm bảo dẫn đến nhiệm vụ KH&CN không có khả năng hoàn thành; không đạt được mục tiêu, không đúng nội dung theo hợp đồng đã ký kết mà không được điều chỉnh theo quy định; kinh phí bị sử dụng sai mục đích.

c) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN không đủ năng lực tổ chức quản lý, không còn nhu cầu nghiên cứu.

d) Khi chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN vi phạm pháp luật hoặc bị truy tố hình sự.

đ) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN mắc bệnh hiểm nghèo (có văn bản đề nghị chấm dứt hợp đồng) hoặc bị chết.

2. Căn cứ quyết định đình chỉ và chấm dứt thực hiện hợp đồng, Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN thực hiện các thủ tục thanh lý hợp đồng theo các điều khoản đã ký giữa các bên và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

Mọi tranh chấp về hợp đồng KH&CN được giải quyết trước hết theo nguyên tắc hoà giải, thoả thuận giữa hai bên; các bên không tự giải quyết được thì giải quyết tại toà án theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Chi phí phát sinh, thu hồi, miễn giảm kinh phí thu hồi

1. Những chi phí phát sinh để hoàn thiện sản phẩm và tài liệu của nhiệm vụ KH&CN do thực hiện chưa đúng với nội dung và yêu cầu đã ghi trong hợp đồng do tổ chức chủ trì thực hiện tự trang trải.

2. Những chi phí kiểm định, đo đạc lại các thông số kỹ thuật và những chi phí phát sinh liên quan đến đánh giá của Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh, tổ chuyên gia và do trượt giá được bổ sung từ ngân sách sự nghiệp KH&CN hoặc Quỹ phát triển KH&CN hằng năm của tỉnh sau khi có quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm được thương mại hoá có trách nhiệm nộp một phần kinh phí thu được từ việc thực hiện nhiệm vụ. Mức kinh phí thu hồi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính.

4. Trường hợp bị thiệt hại do những tác động khách quan như: Thiên tai, dịch bệnh thì tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải báo cáo giải trình rõ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, xem xét và đề nghị UBND tỉnh miễn, giảm kinh phí thu hồi.

Điều 22. Xử lý tài chính trong trường hợp đình chỉ và chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN chưa triển khai thì không cấp kinh phí và thông báo hủy hợp đồng. Các chi phí cho Hội đồng xét duyệt, tổ thẩm định kinh phí được thanh toán trong nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN hằng năm phân bổ cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã cấp kinh phí nhưng không triển khai thực hiện thì Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính thống nhất lập biên bản và trình UBND tỉnh thu hồi toàn bộ kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp cho đơn vị thực hiện.

3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã triển khai thực hiện thì Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng liên ngành gồm các thành viên Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN xác định trách nhiệm của mỗi bên và thẩm tra số kinh phí thực hiện chi hợp lý theo đúng với nội dung thuyết minh được phê duyệt thì được thanh quyết toán; số kinh phí chi sai mục đích phải xuất toán; thu hồi số kinh phí đã cấp còn lại, thống nhất trình UBND tỉnh xem xét quyết định. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải có trách nhiệm nộp số kinh phí bị xuất toán và kinh phí còn lại vào ngân sách nhà nước ngay sau khi có quyết định của UBND tỉnh.

Điều 23. Thanh lý hợp đồng

1. Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thanh lý hợp đồng chậm nhất 15 ngày kể từ ngày tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN hoàn thành việc thực hiện quy định tại Điều 27, 29, 30 Quy định này.

2. Hồ sơ thanh lý hợp đồng gồm:

- a) Quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN.
- b) Giấy xác nhận đã thực hiện giao nộp sản phẩm, đăng ký lưu giữ kết quả.
- c) Báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã được chấp nhận.
- d) Biên bản bàn giao mô hình (nếu có).

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 24. Chế độ báo cáo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Chế độ báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ: Theo tiến độ thực hiện đã được phê duyệt trong thuyết minh, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN lập báo cáo về nội dung, tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí 06 tháng/lần gửi Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan chủ quản cấp trên để theo dõi, quản lý.

b) Báo cáo đột xuất: Tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN và cơ quan cấp trên theo phân cấp quản lý.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra:

a) Kiểm tra việc thực hiện nội dung các nhiệm vụ KH&CN:

- Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN chịu sự thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời thêm các chuyên gia để tư vấn cho việc đánh giá chất lượng công việc đã thực hiện.

- Kho bạc Nhà nước tỉnh hoặc Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố, thị xã căn cứ dự toán đã được thẩm định, biên bản về kết quả thanh tra, kiểm tra, các tài liệu liên quan và chế độ định mức hiện hành của nhà nước để kiểm soát chi và thanh toán.

b) Kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN:

- Định kỳ 06 tháng và hết năm (hoặc đột xuất trong trường hợp cần thiết), Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra tình hình sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

- Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện sử dụng tài chính sai mục đích, vi phạm chế độ nguyên tắc quản lý tài chính thì phải xử lý theo quy định hiện hành; kết quả kiểm tra được lập biên bản theo quy định.

c) Sau thanh tra, kiểm tra, nếu xét thấy cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh nội dung nghiên cứu cho phù hợp với thực tiễn hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ đó.

Điều 25. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc hợp đồng KH&CN hoặc thời hạn được gia hạn hợp đồng (nếu có), tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ. Giao Sở Khoa học và Công nghệ quy định về hồ sơ, thủ tục nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Báo cáo khoa học đảm bảo được nội dung và kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương VIII

ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU, LƯU TRỮ, ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 26. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN

1. Việc đánh giá nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ KH&CN được tiến hành theo 2 bước:

a) Bước 1: Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh cho Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Bước 2: Nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Các nhiệm vụ KH&CN có kết quả nghiên cứu là sản phẩm có các thông số kỹ thuật đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính), dưới đây gọi là các nhiệm vụ KH&CN có các kết quả đo kiểm được thì tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ phải được tổ chuyên gia thẩm định trước khi Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh họp đánh giá. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập tổ chuyên gia.

Điều 27. Tổ chức đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN

1. Hồ sơ đánh giá gồm:

a) Văn bản đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh của cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ.

c) Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

d) Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

đ) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

e) Các số liệu (điều tra, phân tích, khảo sát...), sổ nhật ký của nhiệm vụ.

f) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

g) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

h) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo tính hợp lệ của hồ sơ cho tổ chức chủ trì. Trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo các quy định hiện hành.

4. Nội dung, yêu cầu đối với sản phẩm:

a) Nội dung đánh giá:

- Về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực, hệ thống của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn).

- Về sản phẩm của nhiệm vụ so với yêu cầu đặt hàng: Số lượng, khối lượng sản phẩm, chất lượng sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

b) Yêu cầu cần đạt được đối với báo cáo tổng hợp:

- Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ.

- Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật.

- Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và khoa học, phản ánh trung thực kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Kết cấu nội dung, văn phong phù hợp.

c) Yêu cầu đối với sản phẩm: Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ cấp tỉnh cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đối với sản phẩm là: Mẫu, vật liệu, thiết bị, máy móc, dây truyền công nghệ, giống cây trồng, giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo đếm được cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

- Đối với sản phẩm là: Nguyên lý ứng dụng, phương pháp, tiêu chuẩn, quy phạm, phần mềm máy tính, bản vẽ thiết kế, quy trình công nghệ, sơ đồ, bản đồ, số liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo phân tích, tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch, luận chứng kinh tế kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

- Đối với sản phẩm có nội dung là xây dựng mô hình: Việc đánh giá kết quả thực hiện mô hình được thực hiện thông qua Tổ đánh giá mô hình do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập. Tổ đánh giá mô hình có từ 05 đến 07 thành viên gồm: Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị chủ trì thực hiện, Sở, ngành có liên quan và địa phương nơi triển khai mô hình. Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm cung cấp hồ sơ phục vụ đánh giá kết quả mô hình, gồm: Báo cáo kết quả thực hiện mô hình, quy trình kỹ thuật ứng dụng, các tài liệu có liên quan đến việc triển khai thực hiện mô hình. Kết quả làm việc của Tổ đánh giá được thể hiện bằng biên bản đánh giá, nghiệm thu mô hình.

- Đối với sản phẩm là: Kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế cần có văn bản xác nhận của cơ quan có chức năng phù hợp.

5. Phương pháp đánh giá:

Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh đánh giá theo phương pháp chấm điểm, bỏ phiếu xếp loại theo 5 mức: Xuất sắc, Giỏi, Khá, Đạt và Không đạt. Quy định các tiêu chí và thang chấm điểm nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định.

6. Nhiệm vụ KH&CN nộp hồ sơ nghiệm thu chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng từ 07 ngày đến 15 ngày đối với các nhiệm vụ có thời hạn thực hiện dưới 24 tháng, từ 15 ngày đến 30 ngày đối với các nhiệm vụ thực hiện từ 24 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì khi đánh giá xếp loại bị hạ một mức so với mức được hội đồng đánh giá. Đối với nhiệm vụ KH&CN quá hạn nghiệm thu tương ứng so với các mốc thời gian cao nhất nêu trên trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền sẽ đánh giá mức “Không đạt”.

7. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến đóng góp của Hội đồng và nộp tài liệu cho Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

8. Riêng nhiệm vụ KH&CN đánh giá xếp loại “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN và các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

9. Trên cơ sở kết quả đánh giá của các hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định nghiệm thu, xếp loại, cấp giấy chứng nhận kết quả, công bố và giao nhiệm vụ ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 28. Đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước

Đối với những nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước, việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước

Điều 29. Công nhận kết quả, giao nộp sản phẩm và đăng ký lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước

1. Sở Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến kết luận của hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh.

2. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ phải đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định của Luật KH&CN và Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN.

a) Hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước gồm:

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định cho mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- 01 bản giấy báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức).

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có).

- 01 bản sao biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, văn bản xác nhận về sự thoả thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có), đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 phiếu mô tả công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với nhiệm vụ KH&CN mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

b) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Thời điểm giao, nhận hồ sơ hợp lệ được ghi trên giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền về đăng ký thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ theo thẩm quyền cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

d) Hồ sơ và giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có thể được gửi trực tiếp hoặc gửi bảo đảm theo đường bưu chính.

3. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thực hiện chuyển giao kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu, công nhận không thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng phải giữ bí mật, không vi phạm các điều cấm trong Luật KH&CN vào thực tiễn theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp không đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thì bị xử phạt về vi phạm hành chính trong lĩnh vực KH&CN và các quy định pháp luật liên quan khác.

Điều 30. Công bố và sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu; giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Việc công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật KH&CN, Luật Báo chí và Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN.

a) Đối với các nhiệm vụ KH&CN do các đơn vị trong tỉnh chủ trì thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ bàn giao kết quả cho chính đơn vị đó để tổ chức ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

b) Đối với các nhiệm vụ KH&CN do các đơn vị ngoài tỉnh chủ trì thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ bàn giao kết quả cho các Sở, ngành có liên quan, hoặc các huyện, thành phố, thị xã để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

c) Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu khai thác, sử dụng kết quả của các nhiệm vụ KH&CN, liên hệ với Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn cụ thể.

d) Việc khai thác và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải tuân thủ quy định đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN hiện hành.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản các văn bản, tài liệu, hồ sơ đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN; công bố danh mục kết quả các nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu theo quy định hiện hành; đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong thực tiễn.

2. Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được thực hiện theo quy định của Luật KH&CN, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ, Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương IX

NHÂN RỘNG CÁC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 31. Điều kiện nhân rộng các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Việc nhân rộng các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Những nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh nghiệm thu đạt từ loại Xuất sắc trở lên.
2. Nhiệm vụ KH&CN được đánh giá có tính ứng dụng và hiệu quả kinh tế cao.
3. Địa bàn triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN nhân rộng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Điều 32. Quy trình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN nhân rộng

Quy trình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN nhân rộng gồm: Thông qua Hội đồng Chính sách KH&CN của tỉnh để xác định danh mục; giao trực tiếp nhiệm vụ; tổ chức Hội đồng KH&CN tư vấn xét duyệt nội dung; thẩm định kinh phí; ký kết hợp đồng nghiên cứu; đánh giá, nghiệm thu kết quả; bàn giao sản phẩm, thực hiện theo đúng các quy trình đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh ban hành tại Quy định này.

Điều 33. Nguồn kinh phí thực hiện nhân rộng nhiệm vụ KH&CN

Nguồn kinh phí thực hiện nhân rộng nhiệm vụ KH&CN sử dụng từ các nguồn:

1. Kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh hoặc từ Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh: 30% tổng kinh phí dự án nhân rộng.
2. Kinh phí của địa phương (huyện, thành phố, thị xã) nơi nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN: 30% tổng kinh phí dự án nhân rộng.
3. Kinh phí xã hội hóa khác: 40% tổng kinh phí dự án nhân rộng.

Chương X

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 34. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra sản phẩm theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ.
2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đúng nội dung, tiến độ đã được ghi trong hợp đồng KH&CN.

3. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực tài chính cần thiết để triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đúng tiến độ trong hợp đồng KH&CN đã ký.

4. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

5. Chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, giao nộp sản phẩm, thanh quyết toán tài chính, lưu giữ sổ sách và chứng từ kế toán, nghiệm thu kết quả và thanh lý hợp đồng KH&CN theo quy định.

6. Bảo mật các nội dung, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật.

7. Công khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

Điều 35. Trách nhiệm của Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

1. Xây dựng, trình duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo nội dung đã được phê duyệt. Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn kết quả thực hiện, tiến độ sử dụng kinh phí và chịu trách nhiệm về số liệu chi tiết quyết toán kinh phí thực hiện với tổ chức chủ trì và cơ quan quản lý.

2. Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện và việc khai thác, sử dụng các nguồn thông tin, tư liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN, cũng như việc lưu giữ, công bố, giao nộp và bảo mật các thông tin, tài liệu, sản phẩm nghiên cứu có liên quan tới bí mật quốc gia theo quy định hiện hành.

3. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định và được hưởng quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu và dịch vụ chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.

4. Cùng với tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm pháp lý về kinh phí thu hồi của nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

Điều 36. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức KH&CN và cá nhân trong và ngoài tỉnh đăng ký thực hiện hoặc đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN hằng năm.

2. Xây dựng và ban hành phương thức và quy trình làm việc của từng hội đồng (xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét duyệt, nghiệm thu); phương pháp đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở vận dụng theo quy định hiện hành do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và phù hợp với thực tế của địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch ngân sách khoa học công nghệ hằng năm theo các quy định hiện hành.

4. Tổ chức hướng dẫn thực hiện thống nhất các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và của tỉnh Thái Nguyên.

5. Tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh, dự toán, ký kết hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo các quy định của Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Kiểm tra định kỳ và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện, khối lượng công việc hoàn thành và sử dụng kinh phí.

7. Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã và các Sở, ngành liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN. Báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất với UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN triển khai trên địa bàn tỉnh.

8. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã trong việc đề xuất với UBND tỉnh khen thưởng các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có thành tích trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 37. Trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo gắn các nhiệm vụ thuộc chương trình KH&CN cấp tỉnh với nhiệm vụ nghiên cứu trọng điểm của Sở, ngành, huyện mình; chịu trách nhiệm việc nhân rộng kết quả nghiên cứu của đơn vị trực thuộc vào sản xuất và đời sống.

2. Tổng hợp và báo cáo kết quả các nhiệm vụ KH&CN áp dụng tiến bộ KH&CN đã thực hiện trong năm, đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN năm tiếp theo với Sở Khoa học và Công nghệ (kể cả nguồn vốn sự nghiệp KH&CN của tỉnh và các nguồn vốn khác) để báo cáo Hội đồng Chính sách KHCN của tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của cơ quan chủ trì là đơn vị trực thuộc.

4. Thành lập hội đồng tư vấn KH&CN của Sở, ngành, huyện để xem xét các nhiệm vụ KH&CN do các đơn vị trực thuộc đăng ký thực hiện ở cấp tỉnh, cấp cơ sở và có văn bản tổng hợp để đăng ký thực hiện.

5. Tạo mọi điều kiện thuận lợi về hành chính và tổ chức, huy động các phương tiện vật chất kỹ thuật cần thiết để cung cấp kịp thời cho tổ chức chủ trì các nhiệm vụ KH&CN triển khai các nội dung theo đúng tiến độ quy định.

6. Chịu trách nhiệm về kết quả và hiệu quả của các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực quản lý của Sở, ngành, địa phương.

Chương XI **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 38. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được khen thưởng, phong tặng các danh hiệu vinh dự của Nhà nước theo các quy định hiện hành.

2. Cá nhân có một trong các hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường:

a) Có một trong các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 8, Luật Khoa học và công nghệ.

b) Sử dụng sai mục đích ngân sách nhà nước đầu tư phát triển KH&CN.

c) Gian lận để được hưởng ưu đãi, khen thưởng trong hoạt động KH&CN.

d) Vi phạm các quy định về tuyển chọn, giao nhiệm vụ KH&CN; thẩm định, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

đ) Các hành vi khác vi phạm pháp luật về KH&CN.

Chương XII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 39. Hướng dẫn thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; tham mưu xây dựng, trình ban hành Quy định tổ chức và hoạt động các hội đồng KH&CN cấp tỉnh theo quy định; ban hành biểu mẫu thống nhất để quản lý và tổ chức thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ma Thị Nguyệt

Phụ lục

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ VÀ NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên)

A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Tiêu chí và thang điểm đánh giá

Hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN được đánh giá chấm điểm tối đa 100 điểm theo các tiêu chí sau:

1. Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:
 - a) Đánh giá tổng quan (điểm tối đa 8).
 - b) Nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24).
 - c) Sản phẩm KH&CN (điểm tối đa 16).
 - d) Khả năng ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (điểm tối đa 16).
 - đ) Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện (điểm tối đa 16).
 - e) Năng lực của tổ chức và các cá nhân tham gia (điểm tối đa 20).
2. Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn:
 - a) Mục tiêu nghiên cứu (điểm tối đa 4).
 - b) Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 16).
 - c) Nội dung, phương án tổ chức thực hiện (điểm tối đa 24).
 - d) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12).
 - đ) Sản phẩm, lợi ích của đề tài và phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 24).
 - e) Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).
3. Dự án sản xuất thử nghiệm:
 - a) Đánh giá chung (điểm tối đa 8).
 - b) Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24).
 - c) Giá trị của công nghệ (điểm tối đa 16).

d) Lợi ích của dự án (điểm tối đa 16).

đ) Phương án tài chính (điểm tối đa 20).

e) Năng lực thực hiện (điểm tối đa 16).

4. Dự án khoa học và công nghệ:

a) Mục tiêu, nội dung dự án (điểm tối đa 24).

b) Phương án tổ chức triển khai (điểm tối đa 16).

c) Phương án tài chính (điểm tối đa 20).

d) Sản phẩm, lợi ích của dự án (điểm tối đa 24).

đ) Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện (điểm tối đa 16).

5. Đề án khoa học:

a) Mục tiêu nghiên cứu của đề án (điểm tối đa 4).

b) Đánh giá tổng quan (điểm tối đa 16).

c) Nội dung thực hiện (điểm tối đa 24).

d) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12).

đ) Sản phẩm của đề án (điểm tối đa 24).

e) Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).

II- Quy định đánh giá kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN theo hình thức tuyển chọn:

a) Hội đồng tuyển chọn xếp thứ tự các hồ sơ theo nguyên tắc điểm trung bình từ cao xuống thấp.

b) Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng cao nhất nhưng số điểm trung bình phải đạt tối thiểu 60/100 điểm.

c) Trường hợp các hồ sơ có cùng số điểm thì Chủ tịch Hội đồng quyết định phương án lựa chọn.

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân trúng tuyển từ chối nhiệm vụ mình được tuyển chọn thì tổ chức, cá nhân có hồ sơ đạt tổng số điểm trung bình tiếp theo sẽ được thay thế, nhưng vẫn phải bảo đảm đạt từ 60/100 điểm trở lên.

đ) Những trường hợp đặc biệt Hội đồng báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN theo hình thức giao trực tiếp:

Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có số điểm trung bình phải đạt tối thiểu 60/100 điểm.

B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Tiêu chí và thang điểm đánh giá

1. Đề tài nghiên cứu khoa học: Đánh giá bằng phương pháp chấm điểm với 9 tiêu chí:

- a) Mức độ hoàn thành đầy đủ về các mục tiêu, nội dung (tối đa 30 điểm).
- b) Các phương pháp nghiên cứu, điều tra, khảo sát, tính toán đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra, khảo sát (tối đa 15 điểm).
- c) Mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, bản vẽ thiết kế, tư liệu công nghệ (tối đa 10 điểm).
- d) Tính mới, tính sáng tạo (tối đa 10 điểm).
- đ) Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm,...) (tối đa 5 điểm).
- e) Quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu và triển vọng áp dụng (10 điểm).
- f) Đánh giá về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội (sản phẩm khoa học công nghệ sẽ được ứng dụng (tối đa 10 điểm).
- g) Đánh giá về tổ chức và quản lý của đề tài (tối đa 5 điểm).
- h) Kết quả đào tạo và những đóng góp khác của đề tài (tối đa 5 điểm).

2. Dự án khoa học và công nghệ: Đánh giá bằng phương pháp chấm điểm với 5 tiêu chí.

- a) Mức độ thực hiện nội dung, quy mô đã được phê duyệt (tối đa 30 điểm).
- b) Mức độ thực hiện các mục tiêu, sản phẩm (tối đa 20 điểm).
- c) Hiệu quả kinh tế trực tiếp của dự án (tối đa 10 điểm).
- d) Phương án tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án (tối đa 10 điểm).
- đ) Khả năng duy trì, phát triển nhân rộng kết quả (tối đa 30 điểm).

3. Dự án sản xuất thử nghiệm: Đánh giá bằng phương pháp chấm điểm với 6 tiêu chí:

- a) Đánh giá chung (điểm tối đa 8).
- b) Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24).
- c) Giá trị của công nghệ (điểm tối đa 16).
- d) Lợi ích, sản phẩm của dự án (điểm tối đa 16).
- đ) Phương án tài chính (điểm tối đa 20).
- e) Năng lực thực hiện (điểm tối đa 16).

II. Quy định đánh giá kết quả nghiệm thu

Kết quả nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN được đánh giá ở 05 mức:

1. Loại Xuất sắc: Có điểm trung bình từ 95 điểm đến 100 điểm.
2. Loại Giỏi: Có điểm trung bình từ 90 điểm đến dưới 95 điểm.
3. Loại Khá: Có điểm trung bình từ 70 đến dưới 90 điểm.
4. Đạt yêu cầu: Có điểm trung bình từ 50 đến dưới 70 điểm.
5. Không đạt yêu cầu: Có điểm trung bình dưới 50 điểm.